

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/8/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Ông Danh Sà Khol

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần PH Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 286/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST -HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐ-HPT; ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Danh Mót N, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ x, ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Thị Th, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Danh Mót N trình bày như sau:*

Về hôn nhân : Năm 2014, anh Danh Mót N và chị Thị Th tự tìm hiểu yêu th nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2014 ngày 15/4/2014, sau khi kết hôn anh Danh Mót N và chị Thị Th về sinh sống tại ấp Giồng Kè , xã Bình Giang , huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang , thời gian đầu vợ

chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được 02 con chung là cháu Thị H, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Danh K, sinh ngày 17/3/2018. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng thường hay cự cãi do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Kể từ cuối năm 2021 anh Danh Mót N chuyển về ấp Cây Chôm, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang sinh sống và kể từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, kể từ khi ly thân cuộc sống của ai người đó tự lo không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay tự nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên anh Danh Mót N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Thị Th.

Về con chung: Anh Danh Mót N và chị Thị Th có 02 con chung là cháu Thị H, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Danh K, sinh ngày 17/3/2018, kể từ khi ly thân cho đến nay do chị Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn anh Danh Mót N đồng ý giao 02 con chung cho chị Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, anh Danh Mót N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Danh Mót N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Danh Mót N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt báo thụ lý vụ án số 286/2022/TB-TLVA, ngày 23/6/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 184/2022/TB-TA, ngày 01/7/2022; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 84/TB-TA, ngày 11/7/2022 thông qua cha ruột là ông Danh Đ, tại biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2022 Tòa án xác minh việc tổng đạt văn bản thì ông Danh Đ xác nhận ông đã thông báo cho chị Th nhưng chị Th bận công việc không lên Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình tố tụng chị Thị Th không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đặt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Anh Danh Mót N được ly hôn với chị Thị Th.

Về con chung: Anh Danh Mót N và chị Thị Th có 02 người con chung là cháu Thị H, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Danh K, sinh ngày 17/3/2018, hiện đang do chị Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn anh Danh Mót N đồng ý giao 02 con chung cho chị Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận ; Về cấp dưỡng nuôi con anh Danh Mót N trình bày không phải cấp dưỡng nuôi con, quá trình tố tụng chị Thị Th không có lời khai nên không có cơ sở xem xét, trường hợp có tranh chấp thì được khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh Mót N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Thị Th vắng mặt không có lời khai nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. trường hợp có tranh chấp thì được khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Danh Mót N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn anh Danh Mót N yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Thị Th, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về “ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Danh Mót N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm năm 2014, anh Danh Mót N và chị Thị Th tự tìm hiểu yêu tH nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56 ngày 15/4/2014, nên hôn nhân giữa anh Danh Mót N và chị Thị Th là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ . Khoảng cuối năm 2021, anh Danh Mót N và chị Thị Th phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã sống ly thân. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để anh Danh Mót N và chị Thị Th đoàn tụ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên anh Danh Mót N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, chị Thị Th vắng mặt không đến Tòa án hòa giải điều đó chứng tỏ hai bên đương sự không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình . Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất được ban lãnh đạo ấp Giồng Kè, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xác nhận vợ chồng anh Danh Mót N và Chị Thị Th sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*

Hội đồng xét xử xét thấy , thời gian ly thân giữa anh Danh Mót N và chị Thị Th kéo dài, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Danh Mót N là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Danh Mót N và chị Thị Th.

[3.2] Về quan hệ con chung : Anh Danh Mót N và chị Thị Th có 02 người con chung là cháu Thị H, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Danh K, sinh ngày 17/3/2018. Kể từ khi ly thân cuối năm 2021 đến nay do chị Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn anh Danh Mót N đồng ý giao 02 con chung cho chị Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, đây là sự tự nguyện của anh Danh Mót N và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con : Quá trình tố tụng chị Thị Th không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không có cơ sở xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp thì chị Thị Th được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh Mót N xác định không có tài sản chung và nợ chung , không yêu cầu Tòa án giải quyết , quá trình tố tụng chị Thị Th

không có ý kiến về vấn đề này , nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì chị Thị Th được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình : Chị Danh Mót N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Danh Mót N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh Mót N được ly hôn với chị Thị Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Thị H, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Danh K, sinh ngày 17/3/2018 cho chị Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Danh Mót N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình tố tụng chị Thị Th không có yêu cầu anh Danh Mót N cấp dưỡng nuôi con nên không có cơ sở xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp thì chị Thị Th được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung : Anh Danh Mót N xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Th không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì chị Thị Th được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Danh Mót N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007968 ngày

02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh Danh Mót N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc